TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST
Ngày 16-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Phạm Thị Khanh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện huyện VB tham gia phiên tòa*:** Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH TM CV ; trụ sở: Số 2/11, phố MK, phường MK, quận H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khánh T - Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức H; Nhân viên công ty TNHH TM CV ; địa chỉ: Số A, khu phố Đ, phường G, Quận NQ, thành phố Hải Phòng; ông H có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T, Công ty luật TNHH MTV A - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH PT XD MĐ ; trụ sở: Số B, Khu dân cư B, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào

Văn L; chức vụ: Giám đốc; nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị C; chức vụ: Phó giám đốc; nơi cư trú: Khu dân cư B, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 15-3-2022); bà C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là Công ty TNHH CV do người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 01 tháng 12 năm 2020, Công ty TNHH TM CV (gọi tắt Công ty CV , là bên A) ký hợp đồng mua bán số 0112/HĐMB/MĐ-CV kèm theo phụ lục hợp đồng số 0112/HĐMB/MĐ-CV về việc mua bán xi măng theo đơn đặt hàng với Công ty TNHH PT XD MĐ (gọi tắt Công ty MĐ , là bên B). Theo hợp đồng, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán xi măng rời với các điều kiện, điều khoản, như sau: Công ty CV cung cấp xi măng Pooclang hỗn hợp PC400 do nhà máy xi măng Vicem Hải Phòng, Bút sơn sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nhà máy, theo đơn đặt hàng kế hoạch của Công ty MĐ ; đơn giá: theo thỏa thuận của 2 bên, được xác định bằng phụ lục kèm theo hợp đồng. Hình thức thanh toán: chuyển khoản. Thời hạn thanh toán: Thanh toán trước khi giao hàng. Trong trường hợp bất khả kháng bên A có thể gia hạn cho bên B công nợ tới 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Sau đó bên A có quyền không tiếp tục cấp hàng cho bên B cho đến khi bên B thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho bên A. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty CV đã cung cấp xi măng cho Công ty MĐ trong thời gian từ ngày 11-12-2020 đến ngày 20-3-2021, cụ thể như sau: Tháng 12/2020, cung cấp 355,22 tấn xi măng, số tiền phải thanh toán: 341.011.200 đồng. Tháng 01/2021, cung cấp 353,16 tấn xi măng, số tiền phải thanh toán: 339.033.600 đồng, đã thanh toán: 100.000.000 đồng, còn phải thanh toán: 239.033.600 đồng. Tháng 02/2021, cung cấp 96,70 tấn xi măng, số tiền phải thanh toán: 92.834.880 đồng, đã thanh toán: 10.000.000 đồng, còn phải thanh toán: 82.834.800 đồng. Tháng 3/2021, cung cấp 223,14 tấn xi măng, số tiền phải thanh toán: 242.535.000 đồng, đã thanh toán: 150.000.000 đồng, còn phải thanh toán: 92.500.000 đồng. Tổng số tiền hàng Công ty MĐ phải trả Công ty CV từ tháng 12/2020 đến tháng 3/2021 là 1.015.414.680 đồng, Công ty MĐ đã thanh toán 260.000.000 đồng, còn phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 755.414.680 đồng. Ngày 22-4-2021 Công ty MĐ xác nhận nợ Công ty CV số tiền là 775.414.680 đồng. Ngày 01-01-2022 Công ty MĐ có bản cam kết xác nhận khoản nợ trên và hẹn ngày 13-01-2022 sẽ hoàn trả, tuy nhiên Công ty MĐ không thực hiện như cam kết. Nay Công ty CV đề nghị Công ty MĐ thanh toán số tiền mua

hàng còn thiếu là 755.414.680 đồng, lãi suất 1,1954%/tháng, tính từ ngày 20-3-2021 đến ngày 27-6-2022 là 15 tháng = 135.453.406 đồng. Từ ngày 28-6-2022 đến ngày xét xử 16-8-2022 Công ty CV không tính lãi suất. Tổng gốc và lãi là 910.868.086 đồng. Ngày 27-6-2022 Công ty MĐ trả số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc. Vì vậy, Công ty CV khởi kiện Công ty MĐ phải thanh toán số tiền còn lại là 910.868.086 đồng - 50.000.000 đồng (đã trả ngày 27-6-2022)) = 840.868.086 đồng; trong đó tiền gốc còn lại là 705.414.680 đồng, tiền lãi là 135.453.406 đồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH PT XD MĐ do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 01 tháng 12 năm 2020, Công ty TNHH PT XD MĐ có ký hợp đồng số 0112/HĐMB/MĐ-CV kèm theo phụ lục hợp đồng số 0112/HĐMB/MĐ-CV về việc mua bán xi măng theo đơn đặt hàng với Công ty TNHH TM CV . Theo hợp đồng, Công ty CV cung cấp xi măng theo đơn đặt hàng, kế hoạch của Công ty MĐ . Sau khi ký kết hợp đồng, hai bên đã cùng nhau triển khai theo hợp đồng cụ thể như sau: Tháng 12/2020, Công ty MĐ nhập 355,22 tấn xi măng, số tiền phải thanh toán: 341.011.200 đồng. Tháng 01/2021, nhập 353,16 tấn xi măng, số tiền phải thanh toán: 339.033.600 đồng, đã thanh toán: 100.000.000 đồng, còn phải thanh toán: 239.033.600 đồng. Tháng 02/2021, nhập 96,70 tấn xi măng, số tiền phải thanh toán: 92.834.880 đồng, đã thanh toán: 10.000.000 đồng, còn phải thanh toán: 82.834.800 đồng. Tháng 3/2021, nhập 223,14 tấn xi măng, số tiền phải thanh toán: 242.535.000 đồng, đã thanh toán: 150.000.000 đồng, còn phải thanh toán: 92.500.000 đồng. Theo hợp đồng và các bản xác nhận công nợ thì Công ty MĐ còn phải thanh toán trả công ty CV số tiền là 755.414.680 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Công ty CV khởi kiện yêu cầu Công ty MĐ phải thanh toán số tiền gốc mua hàng còn thiếu là 755.414.680 và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ 20-3-2021 đến 26-5-2022 (14 tháng) là 118.412.000 đồng (1,1965%/tháng), tổng cộng là 873.824.680 đồng và lãi phát sinh từ ngày 27-5-2022 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ, Công ty MĐ xác nhận khoản nợ trên và xin trả nợ dần số tiền gốc với phương thức trả 50.000.000đ/tháng, không đồng ý trả khoản tiền lãi.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau;

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án,

xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về cung cấp chứng cứ. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 24, 34, 35, 37, 50, 55, 306 Luật Thương mại; Điều 351, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Án lệ 09/2016/AL; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2029 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH PT XD MĐ phải thanh toán trả Công ty TNHH CV số tiền mua hàng còn thiếu là 775.414.680 đồng, lãi suất 1,1954%/tháng tính từ ngày 20-3-2021 đến ngày 27-6-2022 là 15 tháng = 135.453.406 đồng. Tổng gốc và lãi là 910.868.086 đồng - 50.000.000 đồng (đã trả ngày 27-6-2022) = 840.868.086 đồng. Về án phí: Công ty TNHH CV không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH PT XD MĐ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.226.042 đồng (Ba mươi bẩy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi hai đồng). Trả lại Công ty TNHH CV khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.690.000 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty TNHH CV yêu cầu Công ty TNHH PT XD MĐ phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu theo hợp đồng mua bán hàng hóa số: 0112/HĐMB/MĐ-CV và phụ lục hợp đồng số 0112/HĐMB/MĐ-CV ngày 01-12-2020. Công ty TNHH CV và Công ty TNHH PT XD MĐ đều có đăng ký kinh doanh việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn là Công ty TNHH PT XD MĐ có trụ sở tại thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng mua bán

hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH PT XD MĐ , người đại diện theo pháp luật là ông Đào Văn Linh; chức vụ: Giám đốc có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Chức,chức vụ: Phó giám đốc, tham gia tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Chức, vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về thời hiệu: Theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại thì thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là 02 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Ngày 04-01-2022, Công ty TNHH PT XD MĐ có bản cam kết nhận nợ với Công ty TNHH CV , do đó vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về hiệu lực của hợp đồng các bên đã giao kết: Hợp đồng giữa các bên được lập thành văn bản, các bên thỏa thuận với nhau về việc mua bán hàng hóa, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi bên, giá cả và hình thức thanh toán, thời hạn thanh toán. Nội dung thỏa thuận và giao kết hợp đồng không trái với quy định của pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại. Do đó hợp đồng mua bán hàng hóa được các bên xác lập có hiệu lực pháp luật.

[4.2] Về số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán:

Về số tiền nợ gốc: Công ty TNHH Chuông và và Công ty TNHH PT XD MĐ đã ký hợp đồng mua bán số 0112/HĐMB/MĐ-CV kèm theo phụ lục hợp đồng số 0112/HĐMB/MĐ-CV ngày 01-12-2020. Theo nội dung hợp đồng, Công ty CV có trách nhiệm cung cấp hàng hóa là xi măng cho Công ty MĐ . Thực hiện hợp đồng: Tháng 12/2020, Công ty CV cung cấp 355,22 tấn xi măng; Tháng 01/2021, cung cấp 353,16 tấn xi măng; tháng 02/2021, cung cấp 96,70 tấn xi măng; tháng 3/2021, cung cấp 223,14 tấn xi măng. Tổng số tiền Công ty MĐ phải thanh toán trả Công ty CV là 1.015.414.680 đồng, Công ty MĐ đã thanh toán 260.000.000 đồng. Ngày 22-4-2021 công ty MĐ xác nhận còn nợ công ty CV số tiền 755.414.680 đồng và hẹn trả nợ 15-5-2021. Ngày 04-01-2022 Công ty MĐ có bản cam kết thực hiện trả nợ vào ngày 13-01-2022. Ngày 27-6-2022 Công ty MĐ trả Công ty CV số tiền là 50.000.000 đồng. Đến nay, Công ty MĐ không thực hiện việc trả nợ như cam kết, vi phạm các điều khoản trong hợp đồng, chậm

thanh toán trả nợ tiền hàng. Do đó nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn phải trả số tiền mua hàng còn thiếu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận

[4.3] Đối với số tiền lãi chậm thanh toán:

Theo hợp đồng hai bên đã ký kết: Tại Điều 3 của hợp đồng quy định về phương thứcc thanh toán và thời hạn thanh toán: Hình thức: chuyển khoản; thời hạn thanh toán trước khi giao hàng. Trường hợp bất khả kháng bên A có thể gia hạn cho bên B công nợ tới 300.000.000 đồng. Sau đó bên A có quyền không tiếp tục cung cấp hàng cho bên B cho đến khi bên B thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho bên A đồng thời phải thanh toán tiền hàng đúng hạn theo thoa thuận tại Điều 3 của hợp đồng. Mặc dù hợp đồng giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên căn cứ Điều 306 Luật Thương mại thì Công ty CV có quyền yêu cầu Công ty MĐ phải trả tiền lãi đối với số tiền hàng chậm thanh toán. Theo giấy xác nhận nợ, đến ngày 20-3-2021 Công ty MĐ còn nợ Công ty CV tiền hàng là 755.414.698 đồng, nên Công ty MĐ phải trả lãi trong thời gian nợ tiền hàng. Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bên chậm thanh toán phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ tại ba ngân hàng: Ngân hàng Thương Mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng. Ngân hàng Thường Mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là (10,5% + 9,5% + 9,0%) x 150% : 3 = 14,50%. Tại phiên tòa nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất là 1,1954%/tháng (14,34%/năm). Số tiền lãi tính từ ngày 20-3-2021 đến ngày 27-6-2022 là 15 tháng. Cụ thể: 755.414.680 đồng x 1,1954%/tháng x 15 tháng = 135.453.406 đồng. Từ ngày 27-6-2022 đến ngày xét xử là ngày 16-8-2022 nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi. Ngày 27-6-2022 bị đơn trả nguyên đơn số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu là [755.414.680 đồng (tiền hàng còn thiếu) + 135.453.406 đồng (tiền lãi)] – 50.000.000 đồng (đã trả ngày 27-6-2022) = 840.868.086 đồng. Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng tại thời điểm xét xử là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 306 Luật thương mại. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và

người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải thanh toán trả số tiền mua hàng còn thiếu và lãi suất chậm thanh toán là 840.868.086 đồng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật được chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Công ty CV không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Công ty CV số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 18.690.000 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Công ty MĐ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.226.042 đồng (Ba mươi bẩy triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi hai đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 24, 50, 306, 319 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 351, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Án lệ số 09/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH CV đối với Công ty TNHH PT XD MĐ .

Buộc Công ty TNHH PT XD MĐ phải thanh toán trả Công ty TNHH CV tổng số tiền là 840.868.086 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng); trong đó tiền gốc là: 705.414.680 đồng, tiền lãi là: 135.453.406 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1 Công ty TNHH CV không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Công ty CV số tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 18.690.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002199 ngày 04-3-2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện VB, thành phố Hải Phòng.

2.2 Công ty TNHH PT XD MĐ phải chịu 37.226.042 đồng (Ba mươi bẩy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo lên tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người đựoc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB,
TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự
huyện VB;
- Lưu: HCTP; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền